

H, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Điều khoản 1,2 Điều 149, Điều 361, 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 189/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phạm Văn M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Hoa Phú, xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn La Mat 2, xã Lộc Sơn, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1].*Về hôn nhân*: Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, vào ngày 28/02/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mặc dù đã cố gắng hòa thuận, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên, khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, nên hai bên đã quyết định sống ly thân với nhau từ năm 2010.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2].*Về con chung*: Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q có 01 con chung, cháu

tên là Phạm Hoài N, sinh ngày 04/12/2006. Hiện nay cháu đang ở với chị Q. Nay vợ chồng thuận tình ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao cháu Phạm Hoài N cho chị Q trực tiếp chăm nom, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2020.

*[3]. Về tài sản và công nợ chung:*

Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q, thống nhất không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[4]. Về lệ phí Tòa án:*

Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q, thỏa thuận mỗi bên nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q.

- *Về con chung:* Công nhận cháu Phạm Hoài N, sinh ngày 04/12/2006 là con chung của anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q, nay vợ, chồng thống nhất thỏa thuận, cháu Phạm Hoài N giao cho chị Quyên trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh M có quyền qua lại thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, chị Q và người thân không ai được cản trở

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Anh Mạnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Quyên, mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2020.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Q thống nhất: mỗi bên chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh Mạnh, chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0008119 ngày 03 tháng 11 năm 2020.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 và Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện H
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Nghi**